



THƯ KIẾN NGHỊ

CỦA LIÊN MINH PHÒNG CHỐNG CÁC BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM

V/v: Dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường (Sửa đổi) phiên bản 7 thảo luận tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV (20/10-12/11/2020)

- Kính gửi:**
- Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCNVN,
 - Ông Nguyễn Hạnh Phúc, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và các Ông, các Bà Bộ trưởng Chủ nhiệm các Ủy ban chuyên trách của Quốc hội
 - Toàn thể đại biểu Quốc hội dự kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV.
- Đồng kính gửi**
- Ông Nguyễn Xuân Phúc, Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCNVN cùng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và các Bộ trưởng: Bộ Y tế, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Nông Nghiệp & Phát triển Nông Thôn, Bộ Công Thương, Bộ Tư Pháp, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền Thông.
 - Chủ tịch Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, cùng Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Kính thưa Bà Chủ tịch Quốc hội và toàn thể các đại biểu Quốc hội khóa XIV,

Kính thưa Ông Thủ tướng Chính phủ cùng các Ông, Bà Bộ trưởng các Bộ trực tiếp tham gia soạn thảo và góp ý cho Dự luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi) phiên bản tháng 10/2020:

Liên minh Phòng chống các Bệnh không lây nhiễm Việt Nam (NCDs-VN)¹, gửi thư này đề nghị xem xét ba tồn tại lớn trong nội dung bản dự thảo luật bảo vệ môi

¹ Liên minh Phòng chống Bệnh không lây nhiễm Việt Nam (NCDs-VN) thành lập tháng 9/2015, là thành viên của Liên minh toàn cầu phòng chống bệnh không lây nhiễm (NCD Alliance), và hiện đang tích cực tham gia cả trên phương diện vĩ mô (vận động chính sách) và vi mô (hỗ trợ cộng đồng) phòng chống các bệnh không lây nhiễm đang gia tăng do các yếu tố nguy cơ như thuốc lá, rượu bia, amiang, hóa chất dùng trong nông nghiệp và bảo quản, chế biến thực phẩm, ô nhiễm môi trường do nhiệt điện than).

trường hiện Quốc hội đang thảo luận, và rất mong các kết luận cùng kiến nghị chúng tôi đưa ra nhận được sự quan tâm đặc biệt để đưa vào thực hiện kịp thời².

Ba tồn tại lớn đó là:

- **Tồn tại thứ nhất:** Dự luật rơi vào tình trạng mất cơ bản nền tảng khoa học bảo vệ môi trường, do hai nguyên nhân:

1. Các điều luật cụ thể không được phát triển trên cơ sở cao nhất là tôn trọng mối quan hệ sinh thái giữa con người với các sinh thể khác (động vật, thực vật, vi sinh vật...) cùng tồn tại và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, đa chiều, cả trước mắt và lâu dài.
2. Tổng thể cấu trúc Dự luật không tuân thủ hoặc sử dụng hời hợt, chấp vá các nguyên lý cơ bản cần phải đảm bảo trong làm luật bảo vệ môi trường thế kỷ 21.

Bằng chứng cho đánh giá này được nêu trong **Phụ lục 1**.

- **Tồn tại thứ hai:** Dự luật hiện tại gần gũi rất yếu với các hệ thống luật môi trường quốc tế. Bằng chứng được nêu trong **Phụ lục 2**.

- **Tồn tại thứ ba:** Thiếu tính logic và mất cân đối trong cấu trúc dự luật; thiếu rõ ràng tầm nhìn và mục tiêu phát triển môi trường bền vững, thiếu cụ thể những điểm cốt lõi và phải cụ thể về quyền và trách nhiệm của mỗi chủ thể trong bảo vệ môi trường; Tồn tại sự mất liên kết qua lại giữa các nhóm biện pháp chủ đạo; thiếu sự nhất quán và hỗ trợ giữa các điều luật. Đặc biệt Dự luật rất yếu về các nội dung thể hiện vai trò của công chúng; không luật hóa vai trò giám sát và phản biện độc lập của các tổ chức khoa học hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; làm yếu nguyên tắc bồi hoàn tổn hại môi trường của người gây ô nhiễm không còn đảm bảo như là một chiến lược căn bản phòng ngừa hành vi xâm hại môi trường; Chiến lược “một sức khỏe”³ lồng ghép, hiệp đồng bảo vệ cho đồng thời con người-động vật-sinh/thực vật cho mục tiêu an toàn môi sinh vì sức khỏe không được đưa vào làm

² Liên quan tới Dự luật Bảo vệ Môi trường (Sửa đổi), Liên minh NCDs-VN đã phối hợp với hai liên minh khác: (1) nhóm Hành động vì Công Lý-Môi trường-Sức khỏe (JEH) và (2) liên minh năng lượng bền vững Việt nam (VSEA) có thư ngày 2/11/2020 gửi Chủ tịch Quốc Hội kiến nghị dừng phiên thảo luận thông qua Dự luật ngày 11/11. https://rtccd.org.vn/wp-content/uploads/2020/11/Thu-kien-nghi-4-Lien-minh_Luat-8VMT.pdf

Thư kiến nghị riêng của NCDs-VN lần này (do RTCCD phát triển và được sự đồng thuận của các tổ chức thành viên chủ lực hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nêu ở phụ lục 4) để cung cấp thêm cơ sở khoa học đánh giá Dự luật giúp các đại biểu quốc hội kiến nghị dừng thông qua dự luật, cùng chi tiết hơn nữa hành động cần làm để đảm bảo luật bảo vệ môi trường thể hiện được yêu cầu khoa học và đạo đức vì lợi ích tổng thể phát triển môi trường bền vững cho Việt Nam.

³ Một sức khỏe- chương trình phối hợp lồng ghép chăm sóc và bảo vệ giữa sức khỏe con người-sức khỏe động vật-sức khỏe môi trường, do ba Bộ phối hợp (Bộ Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn- Bộ Tài Nguyên Môi trường- Bộ Y tế) khởi động từ năm 2005 với sự hỗ trợ của USAID và các tổ chức của liên hiệp quốc (UNDP, UNEF, WHO...) và sự tham gia đồng đạo của các tổ chức phi chính phủ cả trong nước và quốc tế .

Khái niệm Một sức khỏe: <https://vohun.org/mot-suc-khoe-la-gi/>

Khung đối tác Một sức khỏe:

<https://onehealth.org.vn/upload/upload/Khung%20c4%91%e1%bb%91i%20t%3%a1c%20ONE%20HEALTH%201.3.16.pdf>

cơ sở cho việc đánh giá các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường của các chủ thể, đặc biệt từ các dự án can thiệp của nhà nước.

Từ những bằng chứng và tồn tại nêu trên, chúng tôi đi đến 3 kết luận:

- **Kết luận 1:** Dự luật phiên bản 7 hiện hành không thể là “khung pháp lý khoa học và thực tế” làm cơ sở cho hành động của toàn xã hội thực thi quyền và trách nhiệm bảo vệ chống gây ô nhiễm môi trường. Dự luật chưa đảm bảo chức năng thúc đẩy các bên liên quan thực thi trách nhiệm dự phòng, ngăn ngừa, xử lý các vi phạm xâm hại môi trường hiện tại, bảo tồn môi trường sinh thái cho thế hệ sau.
- **Kết luận 2:** Dự luật này phải được sửa đổi cả về cấu trúc và nội dung khắc phục ba tồn tại lớn nêu trên trước khi đưa ra thảo luận tại kỳ họp Quốc hội lần thứ 11 (2021), Quốc hội khóa XIV.
- **Kết luận 3:** Bộ phận lãnh đạo Bộ Tài Nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm soạn thảo dự luật, các nhân sự có trách nhiệm phê duyệt Dự luật từ Bộ Tư Pháp, Văn phòng Thủ tướng, và nhân sự thực hiện thẩm định Dự luật của Ủy ban Khoa học-Công nghệ & Môi trường của Quốc hội, chịu trách nhiệm chính cho sự tồn tại các yếu kém của Dự luật hiện hành, bởi đã có sự lên tiếng đề nghị điều chỉnh từ những phiên bản trước, song không được thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng trong phiên bản gửi Quốc hội khóa XIV kỳ họp 10 thông qua.

Từ ba tồn tại lớn, cùng các bằng chứng đi kèm trong các phụ lục 1, 2 và 3, và từ 3 kết luận trên, chúng tôi gửi tới Bà chủ tịch Quốc hội, các lãnh đạo có trách nhiệm liên quan tại các Ủy ban của Quốc hội và các Bộ của Chính phủ, cùng toàn thể các đại biểu Quốc hội khóa XIV dự kỳ họp thứ 10, ba kiến nghị dưới đây:

1. Bà Chủ tịch Quốc hội chỉ đạo cho hoãn phiên họp thông qua “Dự thảo Luật Bảo Vệ Môi Trường (sửa đổi)” tổ chức vào ngày 11/11/2020 trong kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa XIV.
2. Trường hợp vẫn tổ chức, chúng tôi kiến nghị các đại biểu Quốc hội, với trách nhiệm cao nhất của người Đại biểu Nhân dân, nghiên cứu thư kiến nghị này, nhìn cho ra các nguy cơ tiềm ẩn của một Dự luật bảo vệ môi trường yếu kém ảnh hưởng tới môi trường, sức khỏe, và sự phát triển bền vững của đất nước, để đồng tâm biểu quyết không thông qua Dự luật môi trường tại kỳ họp này.
3. Bà Chủ tịch Quốc hội tổ chức phiên họp chuyên đề tổ chức lại đội ngũ chỉnh sửa Dự luật có sự tham gia của nhóm chuyên gia từ khối các liên minh bảo vệ sức khỏe môi trường thuộc liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tạo phiên bản đáp ứng tốt nhất các nguyên lý khoa học bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững đất nước, để Quốc hội khóa XIV thông qua trong kỳ họp lần thứ 11 tới đây (tháng 5-6/2021).

Mong Bà Chủ tịch Quốc hội, lãnh đạo các cơ quan liên quan, cùng toàn thể các Đại biểu Quốc hội khóa XIV dự kỳ họp lần thứ 10 quan tâm tới 3 kiến nghị của chúng tôi, vì một tương lai phát triển bền vững của đất nước, vì môi trường sống đảm bảo sức

khỏe người dân Việt Nam cùng các sinh thể động, thực vật cá hiện nay và trong tương lai .

Xin trân trọng cảm ơn !

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2020

TM. LIÊN MINH NCDs-VN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các tổ chức chính trị xã hội quan tâm tới sức khỏe cộng đồng, sức khỏe môi trường, phát triển môi trường bền vững, một sức khỏe
- Các tổ chức đang phối hợp với Liên minh NCDs-VN trong phòng chống đại dịch bệnh không lây nhiễm và phát triển bền vững: Cục Quản lý Môi trường Y tế- Bộ Y tế, Văn phòng tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức phát triển của liên hiệp quốc UNDP; Liên minh Vận động Chính sách Y tế dựa vào bằng chứng khoa học (EBHPD), Liên minh Năng Lượng Bền vững Việt Nam (VSEA), Nhóm hành động Sức khỏe, Công kỹ, Môi trường (JEH), Liên minh Sông ngòi Việt Nam (VRN)..



BS.TS. Trần Tuấn

Giám đốc trung tâm Nghiên cứu
và Đào tạo Phát triển Cộng đồng
(RTCCD)- Trưởng ban điều phối
liên minh NCDs-VN

PHỤ LỤC 1- VÌ SAO ĐÁNH GIÁ DỰ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (SỬA ĐỔI) LÀ MẤT CƠ BẢN?

Dự luật Bảo vệ Môi trường (Sửa đổi) Phiên bản gửi Quốc hội khóa XIV kỳ họp 10 làm việc, được chúng tôi đánh giá trên cơ sở xem xét sự tuân thủ của Dự luật với “các thuật ngữ cơ bản” và “các nguyên lý trọng yếu phải đảm bảo” của một luật bảo vệ môi trường thế kỷ 21.

Kết quả đánh giá cho thấy, Dự luật này bị mất cơ bản, thể hiện ở hai nguyên nhân chính:

1. Nội dung Dự luật không được phát triển trên cơ sở nhận thức về mối quan hệ hữu cơ qua lại giữa môi trường & đời sống sinh thái của con người, động vật, thực vật và các sinh thể khác, cả trước mắt và lâu dài

→ Bằng chứng:

1.1. Thuật ngữ “môi trường” thiếu khuyết:

“Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên”. (Mục 31, điều 3, chương 1)

→ Giải thích như trên là có chủ đích loại ra ngoài các sinh thể khác (động vật, thực vật...) cùng tồn tại với con người trong hệ thống phát triển sinh thái bền vững!

→ Hậu quả:

→ Dự luật không được xây dựng cho mục tiêu phát triển bền vững! → không có một điều luật nào, chỉ ra nguyên lý phát triển bền vững được vận dụng làm cơ sở cho cấu trúc khung luật và phát triển các điều luật cụ thể.

→ Các điều khoản của Dự luật trong tất cả các chương sau, đặc biệt chương II (bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên) và chương IV (đánh giá môi trường chiến lược đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường), không có điều luật nào thể hiện theo dõi và đánh giá tác động tới sự tồn tại của các hệ sinh thái động, thực vật, sinh thể khác có trong môi trường cụ thể đang xét với một dự án can thiệp môi trường cụ thể.

1.2. Không có các thuật ngữ cơ bản làm nền tảng cho hiểu được yêu cầu hướng đến của luật làm cơ sở cho các đối tượng thực thi luật hiểu và chấp nhận tuân thủ.

Cả Bộ chủ quản soạn thảo và Ủy ban KHCNMT của Quốc hội thẩm định cuối cùng đã không dùng đến các thuật ngữ cơ bản trong khoa học phát triển môi trường bền vững (environmental sustainability), làm nền tảng cho (1) đo lường tác động ô nhiễm môi trường, (2) giám sát tiến trình thoái hóa môi sinh và (3) đánh giá các can thiệp bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu cao nhất của an toàn môi sinh cho con người và các hệ động, thực vật liên quan:

→ Điều 3, chương 1 không có các thuật ngữ cơ bản sau: “Môi trường sinh thái”, “hệ sinh thái”, “bảo tồn”, “động vật bản địa”, “thảm thực vật bản địa”, “sức khoẻ sinh thái”, “sức khoẻ môi trường”, “Một sức khoẻ”... thể hiện Dự luật không sử dụng đến các tiêu chí phản ánh các trạng thái/kết quả trên trong đánh giá chất lượng môi trường và tác động của dự án can thiệp tới môi trường đích.

2. *Không tuân thủ hoặc sử dụng hời hợt, chấp vá các nguyên lý cơ bản một luật môi trường trong thế kỷ 21 phải đảm bảo*

Có 9 nguyên lý cơ bản mà luật môi trường phát triển trong thế kỷ 21 phải tuân thủ trong giai đoạn thiết kế xây dựng Dự luật, thẩm định chất lượng Dự luật.

Dự án đã hoặc không thể hiện, hoặc thể hiện không rõ ràng, thiếu hệ thống, hời hợt trong toàn bộ dự luật.

2.1. Các nguyên lý không thể hiện trong chương 1 & xuyên suốt trong Dự luật gồm:

- 1- Cảnh giác an toàn làm đầu (the Precautionary principle)
- 2- Dự phòng xuyên suốt (prevention principles)
- 3- Lồng ghép, tích hợp, đồng bộ hóa (the integration principle)
- 4- Trách nhiệm xuyên biên giới (cross-border responsibility principle)
- 5- Phát triển bền vững (the environmental sustainability principle)

Cả 5 nguyên lý này hoàn toàn không được sử dụng theo đúng nghĩa là các nguyên lý trụ cột trong thiết kế dự luật, nên hoàn toàn không thể hiện ở chương 1- điều 4 (Nguyên tắc bảo vệ môi trường) và điều 5 (Chính sách của nhà nước về bảo vệ môi trường).

Riêng thuật ngữ “phát triển bền vững” chỉ được xuất hiện một lần ở chương XII, (hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường) ở điều 157, và thể hiện mờ nhạt như là một yếu tố bên ngoài du nhập: “Nhà nước khuyến khích việc chủ động hội nhập quốc tế về bảo vệ môi trường, tập trung vào các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, bảo tồn đa dạng sinh học, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu...”. (trích mục 1- điều 157).

2.2. Các nguyên lý không được nhắc đến như là “nguyên lý, nguyên tắc”, mà được nhắc đến ở những vai trò và vị trí không rõ ràng, thiếu hệ thống, hời hợt:

- 6- Minh bạch và giải trình trách nhiệm (the accountability and transparency principle).
- 7- Người gây ô nhiễm phải bồi hoàn tổn hại môi trường (“the Polluter Pays” principle)
- 8- Sự tham gia của công chúng (the public participation principle)

9- Công bằng và sòng phẳng trách nhiệm của thế hệ trước với thế hệ sau (equity and equality principle)

MỘT SỐ BẰNG CHỨNG:

→ Cho nguyên lý thứ 6:

Đơn cử Điều 63. “Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người” mục 4, nêu như sau:

“Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc vận chuyển, xử lý chất thải y tế; kiểm tra, thanh tra, đánh giá và xử lý các yếu tố vật lý, hóa học, sinh học trong môi trường liên quan đến bệnh tật; xây dựng và công bố giới hạn của các yếu tố vật lý, hóa học, sinh học trong môi trường có tác động đến sức khỏe con người; quản lý, chia sẻ, trao đổi, công bố thông tin về các chất ô nhiễm và các yếu tố vật lý, hóa học, sinh học trong môi trường có tác động đến sức khỏe con người”.

Nội dung mục 4 như trên là sự “lấn sân” của Bộ Tài nguyên và Môi trường trùm sang cả xác định “ảnh hưởng sức khỏe” của các yếu tố môi trường, vốn là chức năng của Y tế dự phòng! Toàn bộ điều 63 đã thu hẹp vai trò của y tế dự phòng nói riêng và của ngành y nói chung, bị “xuống cấp” không còn là chủ thể “đầu tàu” đánh giá tác động của môi trường lên sức khỏe cộng đồng, “bị hãm” trong “bảo vệ môi trường bệnh viện” mà thôi!

→ Cho nguyên lý thứ 7:

Nguyên lý này đã bị “làm yếu” một cách có chủ định. Không xây dựng thành một mục, hoặc tối thiểu, một điều riêng biệt, mà chỉ xem là một trong nhiều nội dung nêu trong Mục 2 (Bồi thường thiệt hại về môi trường), điều 131 (Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường và nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường).

→ Cho nguyên lý thứ 8:

Sự tham gia của cộng đồng, của dân chúng không được thể hiện đầy đủ, và bị hạn chế có chủ định. Từ việc thiếu định nghĩa thực hành của các khái niệm liên quan tới “cộng đồng” (cư dân, cộng đồng, tổ chức cộng đồng...), tới việc hạn chế hoạt động cả của các tổ chức xã hội chỉ giới hạn trong “tư vấn tham vấn hội viên” (trích Điều 160 mục 1a)

→ Cho nguyên lý thứ 9:

Nguyên lý này cũng không được xem là nguyên lý trụ cột, nên “bảo tồn” không được xem là một trong 4 nhóm hành động chiến lược của bảo vệ môi trường (trách nhiệm cho đời sau). Thiếu cả khái niệm “bảo tồn”, và giới hạn chiến lược “bảo tồn” chỉ với “di sản thiên nhiên”, và chỉ là một mục (mục 4) trong chương 2 (Bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên), với 2 điều sơ sài (điều 20 và 21).

PHỤ LỤC 2- TẠI SAO ĐÁNH GIÁ DỰ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (PHIÊN BẢN 10/2020) GẮN NỐI YẾU VỚI HỆ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ

Bảng chứng: Chương 1, Điều 1&2:

Điều 1- Phạm vi điều chỉnh:

“Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trong hoạt động bảo vệ môi trường.

→ THIẾU: CHO MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG/MÔI TRƯỜNG SINH THÁI/ MỘT SỨC KHOẺ, là những trụ cột cơ bản của các công ước quốc tế liên quan tới môi trường (xem danh sách các công ước quốc tế, các Luật quốc tế liên quan tới môi trường ở phần dưới).

Điều 2- Đối tượng áp dụng:

“Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, các đảo, các quần đảo, vùng biển, lòng đất và vùng trời.

→ CHƯA RÕ RÀNG: CÓ HAY KHÔNG ĐỐI TƯỢNG CÁ NHÂN, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI/ TRỤ SỞ NƯỚC NGOÀI, NHƯNG CÓ DỰ ÁN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM, HOẶC GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LAN SANG VIỆT NAM, HOẶC XUẤT NGUỒN HÓA CHẤT CẤM, ĐỘC HẠI, RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP...SANG VIỆT NAM?

Xuyên suốt trong Dự luật:

- Không có điều luật nhắc đến sự liên hệ giữa Luật này và các Công ước Quốc tế liên quan tới môi trường;
- Không có điều luật đảm bảo nguyên tắc thực thi xuyên biên giới.

Các công ước quốc tế liên quan tới bảo vệ môi trường đã không được sử dụng ở cấp chiến lược hoặc chỉ nhắc thoáng qua ở điều luật cụ thể, khiến không đảm bảo sự phù hợp của Dự luật tương thích với điều ước quốc tế về môi trường:

1. Bộ ba công ước: (1) Công ước Bazel, (2) Công ước Rotterdam, và (3) công ước Stockholm, phối hợp để kiểm soát hóa chất độc hại dùng trong nông nghiệp, công nghiệp và đời sống dân dụng ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe. Từ 2012, thế giới đã có hướng dẫn tuân thủ thực hiện theo hướng đồng bộ hóa 3 công ước này. Cứ 3 năm lại có hội nghị kiểm điểm các nước thành viên toàn thế giới (TRIP-COP) về thực hiện ba công ước. Việt Nam đã tham gia và đã thường xuyên đi dự các TRIP-COP với đại diện từ các Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Cuộc họp kiểm điểm tới đây là 2021 (TRIP-COP 2021).
2. Công ước khung về chống Biến đổi Khí hậu (Framework Convention on Climate Change): Đây là công ước kết quả từ Kyoto Protocol (1997) và Thỏa

thuận Paris (2015), và thỏa thuận Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (This is the convention behind the Kyoto Protocol (1997) and the Paris Agreement (2015) and behind the Intergovernmental Panel on Climate Change). Mục tiêu nhằm theo dõi tất cả các vấn đề liên quan tới biến đổi khí hậu, và xây dựng các điều luật nhằm kiểm soát và giảm thiểu tiến trình nóng lên của Trái đất.

3. Công ước **Aarhus Convention**: “Tiếp cận thông tin, sự tham gia của dân chúng trong tiến trình ra quyết định và tiếp cận công lý trong các vấn đề môi trường”, đã ký bởi 46 nước và 28 thành viên EU ngày 30/10/2001. Văn bản pháp lý bảo vệ quyền tiếp cận thông tin môi trường của công dân tại các nước tham gia công ước.
4. Công ước cấm Vũ Khí Sinh học (**Biological Weapons Convention**): hiện có trên 180 nước thành viên và lãnh thổ ký (tới 2018). Nhằm ngăn chặn sự phát triển các loại vũ khí sinh học có gây nguy hiểm cho sức khoẻ con người và tác hại lâu dài lên môi trường sinh thái.
5. Công ước Đa dạng sinh học (**Convention on Biological Diversity**): Duy trì bảo tồn và thúc đẩy đa dạng sinh học, bảo vệ và duy trì bền vững các nguồn lực tự nhiên, và công bằng trong chia sẻ lợi ích từ môi trường. Có hiệu lực từ 1993.
6. Công ước đánh cá và bảo tồn các nguồn thủy sinh vùng biển nước sâu (**Convention on Fishing and Conservation of Living Resources of the High Seas**)
7. Công ước về ô nhiễm không khí xuyên biên giới (**Convention on Long-Range Transboundary Air Pollution**): Ô nhiễm không khí ở một nước hiếm khi giới hạn tác động ảnh hưởng chỉ trong một nước. Ô nhiễm không khí đòi hỏi sự đồng thuận quốc tế để nhận biết và thực thi kiểm soát. Hiện tất cả các nước phát triển đã ký tham gia công ước này.
8. Công ước Vienna bảo vệ tầng Ozone (**Vienna Convention for the Protection of the Ozone Layer**).
9. Công ước Bảo tồn di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới (**World Heritage Convention Concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage**):

PHỤ LỤC 3- VÌ SAO ĐÁNH GIÁ NHÓM SOẠN THẢO VÀ THẨM ĐỊNH DỰ LUẬT CÓ CHỦ Ý TẠO DỰ LUẬT KHÓ HIỂU, TRÚC TRẮC, MẤT CÂN ĐỐI CẤU TRÚC, KHÔNG RÕ RÀNG, CHỒNG CHÉO QUYỀN, TRÁCH NHIỆM GIỮA CÁC CHỦ THỂ

3.1. Không làm rõ cấu trúc khung Luật thực chất gồm 4 nhóm biện pháp bảo vệ môi trường: (1) Xả thải và quản lý chất thải ra môi trường; (2) Đánh giá tác động; (3) Biện pháp kinh tế; (4) Biện pháp bảo tồn.

3.2. Mất cân đối giữa các nhóm biện pháp. Phần “bảo tồn” chỉ là một mục, 2 điều trong chương 2, thể hiện sự hời hợt, không công bằng, thiếu trách nhiệm với thế hệ sau; khó thực thi.

3.3. Vô hiệu hóa vai trò của y tế dự phòng, thu hẹp ngành y tế trong “khuôn viên bệnh viện”, “tư vấn” (xem Điều 63- Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe). Thậm chí, mục 4 của điều này, quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường làm thay! → Đây là căn nguyên gốc, đã từng gây ra khó khăn cho ngành y tế trong phát triển chính sách phòng chống bệnh tật liên quan tới hành vi con người và môi trường sống. Ví dụ: Một số lãnh đạo các Bộ, Đại biểu Quốc hội từng phản bác Bộ Y tế một cách có hệ thống trong tiến trình phát triển và thông qua Luật “Phòng chống tác hại của rượu bia” để chống lại kết luận của Bộ Y tế, khuyến cáo khoa học của WHO là “Rượu không có lợi lợi cho sức khỏe” dù ở bất cứ mức độ uống nào; hoặc trong chính sách liên quan tới dừng hoàn toàn sử dụng amiang trắng ở Việt Nam vào năm 2020, đã có hàng loạt văn bản của Bộ Xây dựng, Bộ Công thương... và cả Ủy ban Khoa học công nghệ của Quốc hội bảo vệ luận điểm “amiang trắng không gây bệnh... hoàn toàn có thể kiểm soát được” mà ngành công nghiệp amiang đã tạo ra nhằm bảo vệ lợi ích thương mại và chống lại các chiến lược bảo vệ sức khỏe công cộng.

3.4. Dùng công thức “Bảo vệ môi trường phải...” tuân thủ theo các điều kiện khác. Trong khi, thực chất, các chủ thể khi đưa ra các chính sách hay thực hiện hoạt động ở các lĩnh vực khác, phải tuân thủ các quy định luật pháp bảo vệ môi trường để hướng đến làm tốt (không làm hại) tới môi trường. Minh chứng: Điều 4 (Nguyên tắc bảo vệ môi trường), các mục các mục 3, 4 và một phần của mục 5 đã viết theo công thức này như sau:

- Mục 3 điều 4, chương 1: “Bảo vệ môi trường phải gắn với bảo đảm an sinh xã hội, quyền trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.
- Mục 4 điều 4, chương 1: Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên; giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác tối đa giá trị tài nguyên của chất thải.
- Mục 5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, kinh tế thị trường, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

3.5. Cấu trúc sắp xếp thiếu logic, tùy tiện, gây khó khăn cho sự liên hệ logic của người đọc! Ví dụ:

Chương 1 (những quy định chung), Điều 3 (Giải thích từ ngữ) : Giữa thứ tự C, D lại nhảy vào K (13- Kỹ thuật hiện có tốt nhất!), chưa hết T lại nhảy vào U, V (47- Ứng phó với biến đổi khí hậu; 48- Vận hành thử nghiệm công trình), lại T (49- Tầng ô-dôn), rồi lại nhảy ngược H (50- Hiệu ứng nhà kính), rồi D (51- Di sản thiên nhiên). Tình trạng này tồn tại từ các phiên bản trước, đăng trên cổng thông tin của Quốc hội từ 28/5/2020, tới phiên bản tháng 10/2020 đưa ra Quốc hội vẫn không sửa!

Hoặc cũng trong chương 1, điều 4, các mục từ 1 đến 8 đều thể hiện sự lủng củng, dài dòng, không rõ ràng trong nội dung. Ví dụ Mục 1 của điều 4 :

Điều 4, mục 1: Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân. Nhà nước, doanh nghiệp, người dân thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ môi trường; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội thực hiện việc giám sát hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3.6. Không sử dụng hệ nguyên lý cơ bản của khoa học xây dựng Luật Bảo vệ Môi trường, dẫn đến Dự luật Thiếu tính logic và mất cân đối trong cấu trúc dự luật; không rõ ràng tầm nhìn và mục tiêu phát triển môi trường bền vững, không cụ thể những điểm có thể và phải cụ thể về quyền và trách nhiệm của mỗi chủ thể trong bảo vệ môi trường; Đặc biệt dự thảo rất yếu về các nội dung thể hiện vai trò của cộng đồng; thiếu minh bạch, gây chông chéo và khó giải trình trách nhiệm của các tổ chức nhà nước trong tổ chức đánh giá tác động môi trường từ các dự án can thiệp cộng đồng; không luật hóa vai trò giám sát và phản biện độc lập của các tổ chức khoa học ngoài bộ Tài nguyên và Môi trường; nguyên tắc bồi hoàn tổn hại môi trường của người gây ô nhiễm không được luật hóa rõ ràng như là một chiến lược căn bản phòng ngừa hành vi xâm hại môi trường; hoàn toàn không thể hiện nguyên lý bảo vệ môi trường, an toàn môi sinh cho các chủ thể con người-động, thực vật có trong môi trường trong chiến lược lồng ghép-hiệp đồng “một sức khoẻ” đã được đưa vào Bộ Tài nguyên và Môi trường từ hơn một thập kỷ nay⁴; trên hết, dự thảo luật không làm rõ được cơ chế xử lý trách nhiệm không hoàn thành vai trò của cơ quan nhà nước, đặc biệt Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong tuân thủ các chiến lược bảo đảm sự ổn định phát triển của hệ thống môi trường sinh thái trước những dự án can thiệp môi trường.

3.7. Nội dung Dự luật tồn tại nhiều điều luật không rõ ràng, diễn giải mâu thuẫn; có sự mất cân đối trong cấu trúc dự luật, mất liên kết qua lại giữa các nhóm biện pháp bảo vệ môi trường đưa vào trong dự luật; để chông chéo hoặc thiếu cụ thể quyền và trách nhiệm của từng chủ thể và giữa các chủ thể, liên quan tới bảo đảm cho môi trường sống, sinh hoạt, và môi trường tự nhiên an toàn cho mục đích tối hậu sức khoẻ của các sinh thể liên quan và phát triển kinh tế, xã hội bền vững.

Ví dụ: Điều 32a (đánh giá tác động môi trường), mục 5 nêu về “Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đặc thù” nhưng trong chương 1, điều 3 không giải thích “thế nào là dự án đặc thù”, xét theo tiêu chí gì?.



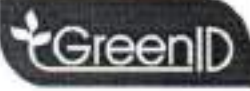


⁴ Một sức khoẻ- chương trình phối hợp lồng ghép chăm sóc và bảo vệ giữa sức khoẻ con người-sức khoẻ động vật-sức khoẻ môi trường, do ba bộ phối hợp (Bộ Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn- Bộ Tài Nguyên và Môi trường- Bộ Y tế) khởi động từ năm 2005 với sự hỗ trợ của USAID và các tổ chức của liên hiệp quốc (UNDP, UNEF, WHO...) và sự tham gia đồng đẳng của các tổ chức phi chính phủ cả trong nước và quốc tế.

Xuyên suốt từ Điều 32a , Điều 33a (tham vấn cộng đồng dân cư, cơ quan tổ chức liên quan), 34a (yêu cầu đối với tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường) và điều 35a (thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường) không được xây dựng theo nguyên tắc khoa học khách quan trong „đánh giá tác động môi trường“.

PHỤ LỤC 4-

Danh sách mạng lưới và tổ chức trực thuộc Liên minh NCDs-VN đệ trình thư kiến nghị:⁵

(Tên và địa chỉ các tổ chức và mạng lưới đệ trình thư)

Logo	Tổ chức thành viên
	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng (RTCCD) – Tổ chức điều phối Liên minh Địa chỉ: Số 39- Ngõ 255 – Phố Vọng – Đồng Tâm – Hai Bà Trưng – Hà Nội Website: www.rtccd.org.vn Email: office@rtccd.org.vn Tel: (+84) 24 3628 0350 Fax: (+84) 24 3628 0200
	Trung Ương Hội Y tế Công cộng Việt Nam Địa chỉ: Phòng 503 - 504, Tòa E1, Khu Ngoại giao đoàn Trung Tự, Số 6 Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội Điện thoại: (+84) 24 3736 8065 Email: vpha@vpha.org.vn Web: http://www.vpha.org.vn
	Trung tâm Sáng tạo Xanh (GreenID) Địa chỉ: Tầng 3, Nhà C1 X3, Ngõ 6 Trần Hữu Dực, Nam Từ Liêm, HN Điện thoại: 0243 795 6372 024 3227 2710 Email: greenidvietnam.org.vn info@greenidvietnam.org.vn Website: http://greenidvietnam.org.vn/
	Trung tâm Truyền thông và Giáo dục Cộng đồng (MEC) Địa chỉ: Số 4, ngách 1, ngõ 3 phố Vạn Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội Tel – Fax: 84 (24) – 22206870 Email: mec@mec.org.vn Website: www.mec.org.vn Facebook: "Truyền thông MEC" & "Khuyến Club"
	Trung tâm Nghiên cứu Pháp luật và Chính sách Phát triển bền vững Văn phòng: P 12A14, Tòa nhà HH2 Bắc Hà, Tố Hữu, Hà Nội Điện thoại: 024 3.8549911 - Số Fax: 0243.8549911 Email: cdteam.lpsd@gmail.com Website: http://l-psd.org

⁵ Liên minh NCDs-VN gồm 14 tổ chức và 3 cá nhân. Danh sách ký thư là các tổ chức có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sức khỏe - môi trường

Liên minh Phòng chống các bệnh không lây nhiễm Việt Nam (NCDs-VN)

Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng (RTCCD) là tổ chức điều phối.

Địa chỉ: Số 39, ngõ 255, phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (84-24) 3628.0350 | Fax: (84-24) 3628.0200 | Email: office@rtccd.org.vn